

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA
Bản án: 98/2018/HS-PT
Ngày: 23/8/2018

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thúy Phượng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tuấn Long

Bà Lâm Vương Mỹ Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:

Ông Võ Văn Thành – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 112/2018/TLPT-HS ngày 04 tháng 7 năm 2018 đối với bị cáo Hồ Văn A và các đồng phạm khác do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 112/2018/HS-ST ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Khánh Hòa.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. **Hồ Văn A**(tên gọi khác: **A7**) – Sinh năm 1990. Trú tại: Số A1 đường A2, phường A3, thành phố B, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: Thợ sơn nước; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ Văn A4 (đã chết) và bà Huỳnh Thị A5 (1946), có vợ là Nguyễn Thị A6 (1989); tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 08/7/2017 đến ngày 03/01/2018, được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*”. Có mặt tại phiên tòa.

2. **Hoàng Duy C** (tên gọi khác: **C1**) – Sinh năm 1987. Trú tại: Số C2 đường C3, phường C4, thành phố B, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Ngọc C5 (đã chết) và bà Lê Thị C6; có vợ là Võ Thanh C7 (1994); bị cáo có 02 con, lớn nhất sinh năm 2014, nhỏ nhất sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 08/7/2017 đến ngày 03/01/2018, được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*”. Có mặt tại phiên tòa.

3. **Nguyễn Xuân D** (tên gọi khác: **D1**) – Sinh năm 1987. Trú tại: Tổ 3,

đường D2, phường D3, thành phố B, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn D4 (đã chết) và bà Dương Thị D5 (1954); tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại bản án phúc thẩm hình sự số 610 ngày 07/9/2005 của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xử phạt Nguyễn Xuân D 10 năm tù về tội “Giết người”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 15/9/2014.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt tại phiên tòa.

** Người tham gia tố tụng khác:*

Người bào chữa cho bị cáo Hồ Văn A: Luật sư Bùi Văn E – Văn phòng luật sư Văn E thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Khánh Hòa bào chữa cho bị cáo A theo yêu cầu của bị cáo. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 13/3/2017, Hồ Văn A(A7), Đỗ Văn I, Hoàng Duy C, Nguyễn Xuân D (D1) và Lê Ngọc Vũ K (K1) ngồi nhậu tại quán nhậu 79, địa chỉ: số 01 đường B1, phường C4, thành phố B. Trong lúc ngồi nhậu, A gọi điện thoại cho Nguyễn Hoàng H (H1), sinh năm 1991, trú tại số 22 đường H2, phường H3, thành phố B đến gặp anh M (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) nhận cho A 12.000.000 đồng. Sau khi nhận được tiền, H đến khu vực bờ kè thuộc Tổ 3, đường B3, phường D3, thành phố B nhậu với Lương Minh N (N1), sinh năm 1990, trú tại số 50/1 đường A3, phường A3, thành phố B; Trần Huy L, sinh năm 1977, trú tại số 74 đường L1, phường D3, thành phố B và Trần Phú O (O1), sinh năm 1990, trú tại số 72 đường O1, phường D3, thành phố B.

Khoảng 15 phút sau, A điện thoại cho H để lấy tiền thì H nói đến chỗ H đang nhậu nên A điện cho Trần Phong V (V1), sinh năm 1992, trú tại số 27/1A đường A2, phường A3, thành phố B nhờ V đến chỗ H lấy tiền cho A. Khi thấy V đến, H đưa cho V 7.000.000 đồng. V nhận tiền mang về cho A. A thấy thiếu tiền nên gọi cho Trung hỏi lý do tại sao đưa 7.000.000 đồng thì H nói mượn A 5.000.000 đồng, nhưng A không đồng ý. A nói V quay lại chỗ H lấy tiền nhưng H không đưa.

A kể lại việc bị H lấy tiền cho I, C, Vũ K và D nghe nên cả nhóm tính tiền nhậu và rủ nhau đi đến chỗ H để đòi tiền. I điều khiển xe máy chở A, Vũ K điều khiển xe máy chở C, còn D đi xe máy một mình. Trên đường đi, cả nhóm xác định sẽ xảy ra đánh nhau với H nên A hỏi D “có hung khí không?”, D nói ở ngôi nhà hoang gần chợ D3 có hung khí, nên khi đến ngôi nhà hoang cả nhóm dừng lại

để Avà I đi vào trong lấy 02 cây mã tấu (loại dao tự tạo), Avà I mỗi người cầm một cây. Khi đến nơi, thấy nhóm H đang nhậu nên A cầm mã tấu xông đến chém H một nhát trúng vùng bụng gây thương tích. N thấy vậy cầm ghế nhựa đánh trả lại làm A rơi cây mã tấu. Cùng lúc này, C chạy đến nhặt cây mã tấu của A xông đến chém trúng cẳng tay phải của N gây thương tích. Khi thấy N bị chém thương tích chảy máu thì nhóm của A bỏ đi. Sau đó, N và H được mọi người đưa đi bệnh viện cấp cứu, điều trị vết thương.

Ngày 17/3/2017, Lương Minh N và Nguyễn Hoàng H có đơn tố cáo nhóm Hồ Văn A sử dụng hung khí cố ý gây thương tích và yêu cầu khởi tố vụ án.

Ngày 28/3/2017, Hoàng Duy C có đơn yêu cầu khởi tố vì cho rằng thương tích của C là do Lương Minh N dùng hung khí gây ra khi đánh nhau.

Bản kết luận pháp y về thương tích số 76/TgT ngày 19/4/2017 của Trung tâm pháp y thuộc Sở Y tế tỉnh Khánh Hòa kết luận: Gãy đầu dưới xương quay phải, đã phẫu thuật kết hợp xương, tỷ lệ thương tật 08%, đứt động mạch quay phải đứt nhánh tĩnh mạch nông, đứt nhánh nông thần kinh quay phải, đứt gân cơ đã được phẫu thuật, hiện tại hạn chế chức năng vận động bàn - ngón tay phải, tỷ lệ thương tật 11%. Thực hiện nguyên tắc cộng lùi: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại của Lương Minh N là 18%.

Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 77/TgT ngày 19/4/2017 của Trung tâm pháp y thuộc Sở Y tế tỉnh Khánh Hòa kết luận: 01 vết sẹo vùng bụng, sẹo có kích thước nhỏ, khô tốt. Tỷ lệ thương tổn cơ thể do thương tích gây nên hiện tại của Nguyễn Hoàng H là 01%.

Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 130/TgT ngày 09/6/2017 của Trung tâm pháp y thuộc Sở Y tế tỉnh Khánh Hòa kết luận: gãy độ I 1/3 dưới xương trụ trái, can tốt, trục thẳng và hiện tại để lại 01 vết sẹo nhỏ, sẹo khô tốt. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại của Hoàng Duy C là 08%.

Ngày 23/10/2017 Lương Minh N có đơn bãi nại cho các bị cáo Hồ Văn Avà Lê Ngọc I.

Ngày 07/11/2017, Hoàng Duy C tự nguyện rút đơn yêu cầu khởi tố đối với Lương Minh N với lý do vết thương của C đã hồi phục.

Tại Bản án số 112/2018/HS-ST ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố B đã quyết định: Áp dụng khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999; áp dụng khoản 3 Điều 7, khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015; áp dụng điểm b, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 136, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự đối với các bị cáo Hồ Văn A, Hoàng Duy C và Nguyễn Xuân D; áp dụng khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Hồ Văn Avà Hoàng Duy C; áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm

1999; Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Xuân D.

Xử phạt bị cáo Hồ Văn A 02 năm tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”; bị cáo Hoàng Duy C 02 năm tù về tội “*Cố ý gây thương tích*; bị cáo Nguyễn Xuân D 01 năm 09 tháng tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”.

Ngoài ra bản án còn xử phạt bị cáo Đỗ Văn I 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo và bị cáo Lê Ngọc Vũ K 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo cùng về tội “*Cố ý gây thương tích*” (các bị cáo không kháng cáo); quyết định về trách nhiệm dân sự, vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 24/5/2018, các bị cáo Hoàng Duy C, Nguyễn Xuân D kháng cáo đề nghị xem xét lại toàn bộ bản án.

Ngày 25/5/2018, bị cáo Hồ Văn A kháng xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, bị cáo Hồ Văn A giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Bị cáo Hoàng Duy C và Nguyễn Xuân D kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa:

Trong vụ án này, hành vi phạm tội của các bị cáo “có tính chất côn đồ”, dùng hung khí nguy hiểm gây thương tích cho người khác, nhưng cấp sơ thẩm không nhận định và áp dụng tình tiết này là thiếu sót, cần rút kinh nghiệm.

Về kháng cáo của bị cáo Hồ Văn A: Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo có cung cấp cho Hội đồng xét xử 01 giấy chứng nhận gia đình bị cáo có công với cách mạng, nhưng xét thấy giấy xác nhận này không phù hợp với văn bản của Nhà nước quy định về người có công với cách mạng nên không hợp lệ và không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị cáo A.

Đối với bị cáo Nguyễn Xuân D, cũng không phát sinh tình tiết mới ở phiên tòa phúc thẩm nên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo D.

Đối với bị cáo Hoàng Duy C, sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo có cung cấp tài liệu thể hiện bị cáo có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự, nên có cơ sở xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo C.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của hai bị cáo Hồ Văn A và Nguyễn Xuân D; chấp nhận kháng cáo của bị cáo Hoàng Duy C; sửa bản án sơ thẩm.

+ Luật sư Bùi Văn E bào chữa cho bị cáo Hồ Văn A:

Trong vụ án này, bị cáo A chỉ gây thương tích cho anh Nguyễn Hoàng H với tỷ lệ 1%, nên bị cáo chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hậu quả gây ra cho anh H. Không thể buộc bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự đối với cả thương tích do người khác gây ra cho anh N với tỷ lệ thương tích 18%. Như vậy là trái với quy định của pháp luật hình sự.

Bị cáo A sau khi phạm tội, đã khai báo rất thành khẩn, có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự và đã tích cực bồi thường cho người bị hại, được người bị hại bãi nại; trong vụ án này người bị hại cũng có lỗi, nhưng cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo mức án 02 năm tù là nghiêm khắc. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ và giảm hình phạt cho bị cáo Hồ Văn A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

* Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của các bị cáo còn trong thời hạn luật định nên có cơ sở để xem xét.

* Về nội dung:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo vẫn khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện:

Khoảng 17 giờ ngày 13/3/2017, Hồ Văn A có nhờ anh Nguyễn Hoàng H đến chỗ anh M lấy giúp tiền mà A cho anh M mượn 12.000.000 đồng, nhưng sau khi anh H lấy được tiền, chỉ đưa lại A 7.000.000 đồng (V cầm về đưa A), còn H giữ lại mượn 5.000.000 đồng. Thấy vậy, A đã yêu cầu H đưa hết số tiền còn lại, nhưng H không đưa nên A đã rủ Hoàng Duy C, Nguyễn Xuân D, Đỗ Văn I và Lê Ngọc Vũ K đến chỗ Nguyễn Hoàng H để đòi tiền. Khi đến nơi, thấy nhóm H đang nhậu nên A cầm mã tấu xông đến chém H một nhát trúng vùng bụng gây thương tích cho H với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 1%. Lương Minh N thấy vậy cầm ghế nhựa đánh trả lại làm A rơi cây mã tấu. Cùng lúc này, C chạy đến nhát cây mã tấu của A xông đến chém trúng cẳng tay phải của N gây thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 18%. Bản thân C cũng bị thương tích (tỷ lệ tổn thương cơ thể 8%) khi đánh nhau với N.

[2] Xét thấy: Xuất phát từ việc anh H không đưa hết số tiền mà bị cáo nhờ lấy dùm, mặc dù bị cáo đã đòi nhưng anh H không đưa nên bị cáo A đã rủ các bị cáo khác đến chỗ anh H để đòi tiền. Do anh H không đưa tiền nên các bị cáo đã tự do hành xử, dùng hung khí nguy hiểm gây thương tích cho anh H và anh N. Như vậy, cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Hồ Văn A, Hoàng Duy C, Nguyễn Xuân D về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, nhưng hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, chỉ vì một mâu thuẫn nhỏ về chuyện tiền bạc giữa bị cáo A và bị hại H (anh họ vợ của bị cáo) mà bị cáo A đã rủ các bị cáo khác mang theo hung khí nguy hiểm đến chỗ người bị hại để đòi tiền và hành hung gây hậu quả thương tích cho người bị hại. Trong vụ án này hành vi phạm tội của các bị

cáo “có tính chất côn đồ” nhưng cấp sơ thẩm không xem xét khi xét xử là có phần thiếu sót, cần rút kinh nghiệm.

Hành vi phạm tội của các bị cáo không những xâm phạm sức khỏe của người khác, mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy, cần phải xử phạt nghiêm các bị cáo để giáo dục các bị cáo có ý thức tuân thủ pháp luật, đồng thời răn đe các hành vi tương tự khác trong xã hội.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ của các bị cáo, thấy rằng:

+ Đối với bị cáo Hồ Văn A, là người khởi xướng hành vi phạm tội và là người lấy hung khí cùng với các đồng phạm khác gây thương tích cho anh H và anh N. Tuy bị cáo chỉ trực tiếp gây thương tích cho anh H, nhưng việc bị cáo A rủ các bị cáo khác đi đòi tiền có mang theo hung khí thì các bị cáo khác đều hiểu và tiếp nhận được mục đích sẽ có đánh nhau nên đã thống nhất ý chí hành động. Thực tế, khi đến nơi bị cáo A đã xông vào chém anh H gây thương tích, bị cáo C thấy vậy cũng nhào vào đánh nhau với N gây thương tích cho anh N. Như vậy, hậu quả tội phạm xảy ra đúng với ý chí của các bị cáo, nên các bị cáo cùng phải chịu chung trách nhiệm hình sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo cung cấp tài liệu xác nhận gia đình bị cáo (cha và ông nội của bị cáo) có công với cách mạng. Nhưng qua xem xét tài liệu này thấy không có căn cứ, vì không phải là xác nhận của cơ quan chức năng, nên không có cơ sở để xem xét yêu cầu kháng cáo của bị cáo Hồ Văn A.

+ Đối với bị cáo Hoàng Duy C: Là người cùng bị cáo A tham gia thực hiện hành vi tội phạm, khi thấy bị hại N nhào vào định đánh A, thì bị cáo đã nhặt lấy dao của bị cáo A bị đánh rơi nhào vào đánh nhau với anh N, gây thương tích cho anh N. Tuy nhiên, bản thân bị cáo khi đánh nhau với N cũng bị thương tích (tỷ lệ tổn thương cơ thể là 8%). Bị cáo có nhân thân tốt, thật thà khai báo, đã bồi thường cho người bị hại và được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo cung cấp tài liệu thể hiện bị cáo đã chấp hành xong nghĩa vụ quân sự. Đây là tình tiết mới, nên chấp nhận kháng cáo của bị cáo C, giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo để bị cáo yên tâm cải tạo.

+ Đối với bị cáo Nguyễn Xuân D: Bị cáo là người chỉ nơi có hung khí cho bị cáo A và I đi lấy để bị cáo A và bị cáo C gây thương tích cho anh H và anh N. Bản thân bị cáo đã từng đi cải tạo ở trại giam, lẽ ra bị cáo phải rút kinh nghiệm từ bản thân mình để khuyên can và ngăn cản các bị cáo khác khi rủ nhau thực hiện hành vi phạm tội, nhưng bị cáo đã không làm như vậy, chỉ đến khi xảy ra đánh nhau bị cáo mới can ngăn. Tuy nhiên, bản thân bị cáo không trực tiếp gây thương tích cho người bị hại. Sau khi phạm tội, bị cáo khai báo thành khẩn đã bồi thường thiệt hại cho người bị hại và được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Tại phiên tòa sơ thẩm người bị hại H và N đều xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, nhưng cấp sơ thẩm chưa áp dụng tình tiết này đối với bị cáo D, nên cấp phúc thẩm

áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ khác theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo D; chấp nhận kháng cáo của bị cáo D, giảm một phần hình phạt để bị cáo an tâm cải tạo.

[5] Về án phí: Vì kháng cáo của bị cáo Hoàng Duy C và Nguyễn Xuân D được chấp nhận, nên hai bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo Hồ Văn A phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Hồ Văn A.

2. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Hoàng Duy C và Nguyễn Xuân D; sửa bản án sơ thẩm.

Áp dụng điểm đ khoản 2 (viện dẫn điểm a, i khoản 1) Điều 134; áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Hồ Văn A, Hoàng Duy C và Nguyễn Xuân D.

Áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Hoàng Duy C và Nguyễn Xuân D.

Áp dụng Điều 136, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự đối với các bị cáo.

Áp dụng Khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự 2015; Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của D hội.

Xử phạt: Bị cáo **Hồ Văn A 02 (hai) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, nhưng được trừ thời hạn tạm giam từ ngày 08/7/2017 đến 03/01/2018.

Bị cáo **Hoàng Duy C 01 (một) năm 08 (tám) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, nhưng được trừ thời hạn tạm giam từ ngày 08/7/2017 đến 03/01/2018.

Bị cáo **Nguyễn Xuân D 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

3. Về án phí: Bị cáo Hồ Văn A phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các bị cáo Hoàng Duy C và Nguyễn Xuân D không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- TAND TP. B;
- VKSND TP. B
- Công an TP. B;
- THADS TP. B;
- Bị cáo; Lưu HS

Lê Thúy Phượng